



CHỦ TỊCH NINH THUẬN
CHỖ CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 118/BN-ATTP

Ninh Thuận, ngày 25 tháng 7 năm 2023

GIẤY BIÊN NHẬN

Họ và tên người nộp hồ sơ: Nguyễn Thị Diễm Hương

Điện thoại: 0396849671

Đại diện cho cơ sở: Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang

Tên sản phẩm: Đường Nâu Vàng

Địa chỉ: Số 160 đường Bác Ái, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Đã nộp 01 tập hồ sơ tự công bố sản phẩm có đóng dấu giáp lai (nếu có), thành phần hồ sơ bao gồm:

TT	Thành phần hồ sơ:	Có/không
1	Bản tự công bố sản phẩm	Có
2	Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bản chính hoặc bản sao chứng thực)	Có
3	Nhãn sản phẩm dự thảo	Có
4	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Không
5	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	Không
6	Tài liệu khác liên quan: (nếu có)	/

Ghi chú:

- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm chỉ tiếp nhận và lưu hồ sơ tự công bố sản phẩm, không soát xét tính chất đúng/sai của hồ sơ. Việc đúng/sai của hồ sơ chờ cơ quan hậu kiểm.

- Ngay sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó.

- Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải tự công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo.

Người nộp hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Diễm Hương


Đặng Thị Thu Nguyệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/BHS.PR/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG
2. Địa chỉ: 160 Bác Ái, phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
3. Điện thoại: 0259.3888.039 Fax: 0259.3888.633
4. E-mail: bhsphanrang@ttcagris.com.vn
5. Mã số doanh nghiệp: 4500138596
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 75/2020/NNPTNT–NT, ngày cấp: 14/10/2020. Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: ĐƯỜNG NÂU VÀNG
2. Thành phần: Đường mía.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: bao 50kg.
 - Chất liệu bao gói: sản phẩm đựng trong bao bì 2 lớp PP bên ngoài và PE bên trong, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
 - 5.1. Xuất xứ: Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng
 - Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG
 - Địa chỉ: 160 đường Bác Ái, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
 - 5.2. Địa chỉ sản xuất: Sản phẩm được sản xuất và đóng gói tại:
 - Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang.
 - Địa chỉ: 160 đường Bác Ái, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
 - Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “E” sau ngày sản xuất.
 - Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy E

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



1. Kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. Vi sinh: Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270: 2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Vi sinh vật

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	Cfu/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm men	Cfu/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	Cfu/10g	10

3. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

4. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

4.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng hạt tinh thể tương đối đồng đều, tươi khô, không vón cục.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường màu vàng sáng đến tối.

4.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%	$\geq 96,5$
2	Hàm lượng đường khử	%	$\leq 0,65$
3	Tro dẫn điện	%	$\leq 0,4$
4	Độ ẩm (giảm khối lượng sau sấy ở 105°C trong 3 giờ)	%	$\leq 0,5$
5	Độ màu	ICUMSA	≤ 6.000

4.3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270: 2003: Đường trắng và đường tinh luyện
– yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO₂

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng SO ₂	mg/kg	9

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời. Không chất chung hàng hóa, thực phẩm khác trong quá trình vận chuyển và phải lưu trữ tách biệt đường với các sản phẩm khác để tránh hấp phụ mùi, ẩm và các nhiễm chéo khác.
6. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.
7. Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong sản xuất và chế biến thực phẩm. Không được sử dụng để ăn trực tiếp, không được sử dụng như là thành phần của thực phẩm mà chỉ sử dụng như là nguyên liệu thô cho các quá trình sản xuất chế biến.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ninh Thuận, ngày 20 tháng 01 năm 2023

PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐƯỜNG
BIÊN HÒA-PHAN RANG
TP PHAN RANG-THÁP CHÀM-T. MINH THUAN

BIÊN TUÂN AN



BP. DUSE

28/07/2023

ĐK

Duyệt

Nguyễn Thị Diễm Hương



Biện Tuấn An

200 mm

30 mm



ĐƯỜNG NÂU VÀNG 50 KG

ĐƯỜNG NÂU VÀNG

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 50 kg
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

Sản phẩm của
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA - PHAN RANG
160 Đường Bắc Ái, P. Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận
ĐT: 0259.3888.039
Website: www.ttcagris.com.vn
Xuất xứ: Việt Nam

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN



Chỉ môi trường sạch đẹp, xanh bóng
Chỉ sản phẩm an toàn, sạch khi sử dụng

- DÙNG TRONG SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



NSX/MFG:08/08/15 EBC 1234567

30 mm

ĐƯỜNG NÂU VÀNG 50 KG

100 mm

KT3-03888BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/07/2023
Page 01/03

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG NÂU VÀNG
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Sample description Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 03/07/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 04/07/2023 – 12/07/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG
Customer 160 Bác Ái, phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page* 02&03/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03888BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/07/2023

Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ màu / Colour, IU	GS1/3-7 (2011) ICUMSA	-	1,04 x 10 ³
7.2. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % Sucrose content (m/m)	GS1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA	-	99,6
7.3. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 – 15 (2007) ICUMSA	-	2,90 x 10 ⁻²
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % Conductivity ash content (m/m)	GS1/3/4/7/8-13 (1994) ICUMSA	-	0,11
7.5. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7/9-33 (2011) ICUMSA	-	1,58
7.6. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugars content (m/m)	GS1/3/7-3 (2005) ICUMSA	-	0,15
7.7. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC (971.21))	1,50 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03888BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/07/2023
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.11. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/ g <i>Mesophilic bacteria</i>	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017	-	5,0 x 10 ¹
7.12. Tổng số nấm men, CFU/g <i>Total yeasts</i>	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.13. Tổng số nấm mốc, CFU/g <i>Total moulds</i>	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than

Ghi chú/ Notes:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/ g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/ g when the dish contains no colony.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2023-00083291	
Mã số kết quả :	AR-23-VD-087374-01-VI / EUVNHC-00221832	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang 160 Bác Ái, Phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Tên mẫu :	Đường nâu vàng
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong bao bì ghép mí
Ngày nhận mẫu :	04/07/2023
Thời gian thử nghiệm :	05/07/2023 - 10/07/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	11/07/2023
Mã số PO của khách hàng :	NA9J230704239
Mã số mẫu Eol :	005-32410-224573

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantranilprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (bao gồm alpha- và zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
14	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
15	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD2R5 VD (a) Propiconazol (Tổng các đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD2QT VD (a) Tebufenozid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/07/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/07/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

ANALYTICAL REPORT

Sample Code :	743-2023-00083291	
Analytical Report :	AR-23-VD-087374-01-EN / EUVNHC-00221832	

BIEN HOA - PHAN RANG SUGAR JOINT STOCK COMPANY	
160 Bac Ai Street, Do Vinh Ward, Phan Rang - Thap Cham City	
Ninh Thuan Province, VIETNAM	

Sample described as:	Đường nâu vàng
Conditioning:	The sample is kept in packing seal
Sample reception date:	04/07/2023
Analysis Time :	05/07/2023 - 10/07/2023
Client due date :	11/07/2023
Your purchase order reference:	NA9J230704239
Eol sample code :	005-32410-224573

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Not detected (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin and lambda-cyhalothrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (including alpha- and zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
14	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
15	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD2R5 VD (a) Propiconazole (sum of isomers)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
17	VD2QT VD (a) Tebufenozide	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.05)

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE



Nguyễn Anh Vũ
HCMC Lab Manager



Lý Hoàng Hải
General Manager

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 11/07/2023, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 11/07/2023.

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.

Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.

The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.

All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.

"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

